TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 565/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2024
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phúc Viễn

2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2024/QĐXXST-HN ngày 29/11/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Thạch Thị L,** sinh năm: 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp PH, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Phan Văn T,** sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp PH, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Thạch Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố BL, tỉnh BL ngày 16/4/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên hâm he đánh đập chị nhiều lần nên mâu thuẫn anh chị càng xảy ra trầm trọng, không thể hàn gắn lại được. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2023. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị xin được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung:

- Phan Thạch Ngọc NQ, sinh ngày 09/8/2011 và Phan Thạch MQ, sinh ngày 11/7/2017.

Hiện hai cháu NQ và MQ đang sống chung với chị, khi ly hôn, chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh thống nhất với chị L về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống. Hiện anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung: Phan Thạch Ngọc NQ, sinh ngày 09/8/2011 và Phan Thạch MQ, sinh ngày 11/7/2017

Hiện hai cháu NQ và MQ đang sống chung với ông bà ngoại ở BL. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu MQ, đồng ý để chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu NQ, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Thạch Ngọc NQ, sinh ngày 09/8/2011 và Phan Thạch MQ, sinh ngày 11/7/2017.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai chị L tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị L và anh T qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã VT, thành phố BL, tỉnh BL vào ngày 16/4/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận kết

hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên toà chị L khai nguyên nhân chị L xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, sống không hòa hợp, nguyên nhân chính do anh T lúc nào cũng hâm doạ đánh đập chị, không tôn trọng chị, có hành vi không đúng mực với các cháu gái bên gia đình chị, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vả gay gắt và từ đó bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn hiện rất trầm trọng. Chị đã ly thân với anh T từ tháng 8/2023 đến nay vẫn chưa hàn gắn được. Phía anh T thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nhưng có thể hàn gắn được, anh có hành vi không đúng mực với các cháu gái chị L là do chị L hiểu lầm, chứ anh không có ý khác, khi chị L ly thân về bên cha mẹ ruột sống ở BL nên anh không thể thường xuyên quan tâm con cái. Nay anh còn thương vợ nên xin hàn gắn. Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được, chị L kiên quyết ly hôn để ổn định cuộc sống, anh T không đưa ra được biện pháp hàn gắn, tại phiên toà còn có nhiều mâu thuẫn, cải vã nhau nên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn anh chị không thể cho hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Thạch Ngọc NQ, sinh ngày 09/8/2011 và Phan Thạch MQ, sinh ngày 11/7/2017. Hiện hai cháu NQ và MQ đang sống chung với chị L, khi ly hôn, chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu NQ và MQ, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T yêu cầu được nuôi cháu MQ không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị L là phù hợp. Bởi lẽ, 02 cháu còn nhỏ, là bé gái và đang sinh sống học hành bên chị L và có nguyện vọng muốn sống với chị L nên cần giao cho chị L tiếp tục nuôi theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có yêu cầu nuôi cháu MQ, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Xét yêu cầu anh T không phù hợp, bởi lẽ cháu MQ muốn sống chung với chị L và hiện tại cháu cũng đang học hành ổn định nên giao chị L trực tiếp nuôi con, anh T có quyền đến thăm nôm, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L chưa có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Quá trình tố tụng chị L, anh T không có yêu cầu, tại phiên toà anh T khai có yêu cầu về tài sản. Xét thấy yêu cầu của anh T không thể xem xét ngay tại phiên toà. Nếu sau khi ly hôn, anh T và chị L không thoả thuận được về tài sản thì có quyền yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Tại phiên toà chị L khai không có và không yêu cầu, anh T khai có nợ chung. Anh T có yêu khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị L đối với anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thạch Ngọc NQ, sinh ngày 09/8/2011 và Phan Thạch MQ, sinh ngày 11/7/2017 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết;

4. Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007948 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên được cấn trừ.

6. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

* Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã VT, TP BL, tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ.